

Bản án số: 187/2018/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 5 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị D và anh G”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cư

2. Bà Võ Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 368/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 225/TB-TA ngày 22/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ 5, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ 5, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 23 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trường G tự tìm hiểu và yêu thương nhau, được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên dẫn đến kết hôn vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 17/3/2016 do UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh G không đưa tiền phụ giúp chăm sóc con, vợ chồng thường xảy ra tranh cãi nhau. Trong khoảng thời gian sống ly thân, chị D và anh G không có gặp nhau hoặc liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó chị D thấy cuộc sống tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ sống chung với nhau được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia V, sinh ngày 21/9/2016 (giới tính nữ) hiện anh G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D hiện đang làm công nhân xưởng dệt Hưng Thịnh tại phường Long Châu do chị Nguyễn Thị Ngọc T làm chủ cơ sở, thu nhập ổn định mỗi tháng bình quân khoảng 3.000.000 đồng; nhà của cha, mẹ chị D tọa lạc tại tổ 6, khóm Long Hưng 1, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang hiện căn nhà trên không người ở do cha, mẹ chị D đi làm ăn xa và chị D đang ở nhà bà ngoại Diễm là bà Nguyễn Thị M tại tổ 5, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang để tiện việc đi làm và chăm sóc con. Đồng thời, mẹ chị D còn hỗ trợ hàng tháng khoản hơn 2.000.000 đồng để chị D nuôi con và chăm sóc bà ngoại của chị D; khi chị D đi làm thì có người trông giữ con là các chị em ruột của mẹ chị D và bà ngoại sống chung trong nhà. Ngoài ra, chị D không có nguồn thu nhập nào khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09/11/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời khai của chị D về thời gian kết hôn và chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, D thường xuyên đi làm về muộn không quan tâm đến gia đình và con, những ngày

chủ nhật nghỉ D lấy lý do đi làm nhưng thật sự không đi làm mà ở nhà ngoại chơi, khi D về thì anh có hỏi nhưng D không trả lời, hai bên lời qua tiếng lại và sau đó D bỏ nhà về nhà bà ngoại ở kể từ ngày 09/10/2017 từ đó anh và chị D đã sống ly thân đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh G đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia V, sinh ngày 21/9/2016 hiện anh G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G hiện là Công an viên xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, thu nhập mỗi tháng bình quân hơn 3.000.000 đồng, đi làm thêm ngoài giờ như phục vụ đám tiệc (chạy bàn) mỗi lần 300.000 đồng trong tháng có khi không có, nếu trong tháng có nhiều tiệc thì bình quân khoản 05 lần; nguồn thu nhập từ nuôi gà để bán cho những người có nhu cầu thu nhập bình quân mỗi tháng 1.000.000đ; ngoài ra, không còn thu nhập khoản nào khác. Khi đi làm thì việc chăm sóc con do bà nội chăm sóc, ngoài giờ làm việc và công việc ngoài giờ nếu có thì thời gian còn lại anh có chăm sóc con, việc nuôi con hiện nay phát triển bình thường.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình xét xử nhân chứng bà Lê Thị L trình bày: Trần Thị D là con ruột của bà, Nguyễn Trường G là chồng của D là con rể của bà, giữa bà với D và G không có mâu thuẫn gì. Do điều kiện làm ăn kinh tế, bà và chồng bà ông Trần Văn C đi làm ăn xa ở tỉnh Đắk Lắk, nghề nghiệp là phụ giúp công việc chăn nuôi và trồng trọt cho gia đình người dì ruột (em ruột mẹ bà), thu nhập bình quân mỗi tháng của vợ chồng bà khoảng 11.000.000 đồng. Sau khi D có gia đình cho đến khi mang thai và sinh con thì hàng tháng bà có tích lũy cho riêng D mỗi tháng 2.000.000 đồng để D có thêm thu nhập nuôi con. Nếu sau này vợ chồng bà có thay đổi việc làm thì vợ chồng bà vẫn tiếp tục hỗ trợ cho D và sẽ đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất để D có đủ nguồn tài chính nuôi con. Về chỗ ở hiện nay: Vợ chồng bà có 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại tổ 6, khóm Long Hưng 1, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; khi vợ chồng bà đi làm xa thì căn nhà không có người ở đến khoảng 2-3 tháng vợ chồng bà về và ở trong căn nhà này, D không ở trong căn nhà này mà sống cùng với bà ngoại (bà Nguyễn Thị M) tại tổ 5, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang vì gần chỗ làm của D tại xưởng dệt Hưng Thịnh (cách khoảng 30m).

Trong quá trình xét xử nhân chứng bà Nguyễn Thị M trình bày: Trần Thị D là cháu ruột bà, Nguyễn Trường G là chồng của Diễm là cháu rể bà. Lê Thị L là con ruột bà, Trần Văn C là chồng của L, con rể bà, D là con ruột của L và C. Do điều kiện làm ăn kinh tế, cha và mẹ của D đi làm ăn xa. Từ trước đến nay, bà không có mâu thuẫn gì với vợ chồng D và G. Trước khi D có gia đình thì sống chung với bà, sau khi D có gia đình và sinh con thì sống bên gia đình chồng cho đến thời gian vợ chồng D mâu thuẫn sống ly thân thì D về sống chung với bà tại tổ 5, khóm Long Châu, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Hiện nay bà đang nuôi dưỡng các cháu nội tên là Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 2010 và Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 2013 (con của Lê Văn H và Nguyễn Thị Bích D). Chi phí cho việc nuôi dưỡng các cháu trên do cha, mẹ các cháu đi làm thuê ở thành phố Hồ Chí Minh hàng tháng gửi tiền về cho bà để nuôi dưỡng các cháu (bình quân mỗi tháng gửi về là 5.000.000 đồng). Bà trình bày hiện cuộc sống của bà hàng ngày do các con góp tiền cho hàng tháng và có cho thuê 03 công đất rẫy, mỗi năm được 8.000.000 đồng để làm chi phí cho cuộc sống hàng ngày. Việc chi tiêu đủ cho cuộc sống hàng ngày.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Trần Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Nguyễn Trường G vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 48, 70, 71, 72, 78, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 8, 9, 55, khoản 3 Điều 81, Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D với anh Nguyễn Trường G; về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia V, sinh ngày 21/9/2016 (giới tính nữ) hiện anh G đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V và hai anh chị không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt thời gian qua cháu V được anh G trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 10/2017 thời gian qua anh G chăm sóc cháu V phát triển bình thường. Xét thấy, hiện tại cả chị D và anh G đều có điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con như có việc làm và có thu nhập ổn định; thời gian anh đi làm thì cháu do ông bà nội, chăm sóc. Chị D cho rằng đi làm thì các chị em của mẹ chị D và bà ngoại chị D trông giúp cháu.

Theo qui định pháp luật con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con; ở đây cháu V là nữ giới, chưa đủ 36 tháng tuổi, chị D anh G không thỏa thuận được việc anh và chị ai được nuôi con. Vì vậy, xét về quyền lợi mọi mặt của con và theo quy định pháp luật để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và là nữ giới, đề nghị Hội đồng xét xử cần nên giao cháu V cho chị D được nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Chị Trần Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường G, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 5, khóm Long Thạnh B, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh G tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 17/3/2016 do UBND phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp). Tại thời điểm kết hôn chị D và anh G đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị D và anh G chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị D trình bày do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và mâu thuẫn vẫn

kéo dài, không hòa giải được. Chị và anh G đã ly thân từ tháng 10 năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn và anh G đồng ý ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận ly hôn của chị D và anh G không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Trường G.

[3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Gia V, sinh ngày 21/9/2016 **hiện anh G đang trực tiếp nuôi dưỡng**. Nhưng khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và hai anh chị không yêu cầu ai phải cấp dưỡng nuôi con. Trong suốt thời gian qua cháu V được anh G trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 10/2017 thời gian qua anh G chăm sóc cháu V phát triển bình thường. Xét thấy, hiện tại cả chị D và anh G đều có việc làm, có thu nhập ổn định; thời gian anh đi làm thì cháu do ông bà nội, chăm sóc. Chị D cho rằng đi làm thì các chị em của mẹ chị D và bà ngoại chị D trông giúp cháu. Do đó, theo qui định pháp luật con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con; ở đây cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi tuy nhiên từ tháng 10/2017 cháu V đã được anh G trực tiếp nuôi dưỡng phát triển bình thường, xét thấy, chị D và anh G đều có điều kiện nuôi con, mặt khác do chị D và anh G không có thỏa thuận khác về việc giao con cho ai nuôi. Vì vậy, xét về quyền lợi mọi mặt của con và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, Hội đồng xét xử thấy cần nên giao cháu V cho chị D được nuôi dưỡng được quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị D tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh G trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của chị D và anh G không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị D chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001404 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 55, khoản 3 Điều 81, Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Trường G.

2. *Về nuôi con chung:* Buộc anh Nguyễn Trường G giao con Nguyễn Trần Gia V, sinh ngày 21 tháng 9 năm 2016 cho chị Trần Thị D được nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trường G không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Chị D tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh G trong việc đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, chị và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001404 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND phường Long Thạnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dầm